

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0652002 - Cơ kỹ thuật
Lớp :

STC : 6(90,0,0,0,0,0)
Năm học : 2013-2014

Lần thi : 2
Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Quang	Vinh	3654010026	16/02/1994	2,10		2,80	
2	Ngô Quốc	Chí	3654010092	11/11/1994	4,80		4,80	
3	Nguyễn Minh	Tiến	3654010159	13/05/1993	,00		,00	CT
4	Thân Văn	Trụ	3654010314	20/05/1994	4,80		4,90	
5	Trần Thanh	Liên	3654010333	14/06/1994	4,90		5,60	
6	Trần Tấn	Phúc	3654010386	01/07/1993	4,90		4,70	
7	Lê Văn	Lin	3751010064	10/03/1995	1,30		1,30	CT
8	Võ Tấn	Thịnh	3751010076	06/09/1993	3,30		3,80	
9	Ngô Đức	Trọng	3754010001	04/01/1994	,90		,90	CT
10	Đặng Văn	Hoàng	3754010004	05/03/1995	,00		,00	CT
11	Trần Ngọc	Tấn	3754010005	16/11/1995	3,60		3,20	
12	Nguyễn Văn	Thiện	3754010010	10/12/1995	4,00		4,00	
13	Phạm Thiên	Ân	3754010011	25/11/1995	4,90		4,60	
14	Chung Minh	Tuấn	3754010012	03/04/1995	1,80		1,80	CT
15	Chung Minh Đức	Thiện	3754010028	20/11/1993	4,20		3,90	
16	Nguyễn Dương Quang	Bảo	3754010033	05/10/1995	4,70		5,70	
17	Nguyễn Quang	Hoan	3754010035	13/02/1994	2,70		2,70	CT
18	Trần Minh	Nhật	3754010036	27/08/1995	,90		,90	CT
19	Ngô Hoàng	Minh	3754010040	19/03/1995	,00		,00	CT
20	Nguyễn Thanh	Phong	3754010043	20/08/1995	2,40		2,40	CT
21	Trần Văn	Quý	3754010044	18/02/1995	3,40		3,40	
22	Tiêu Trí	Tường	3754010046	10/11/1995	2,20		2,20	CT
23	Nguyễn Thanh	Sang	3754010050	08/03/1995	,00		,00	CT
24	Trần Triệu	Vân	3754010055	01/06/1995	3,70		3,70	
25	Dương Ngọc	Điều	3754010057	12/04/1993	,00		,00	CT
26	Lê Thanh	Hùng	3754010060	26/05/1995	,00		,00	CT
27	Trần Phương	Kiệt	3754010061	20/09/1995	1,30		1,30	CT
28	Nguyễn Duy	Phương	3754010062	24/09/1994	3,70		3,70	
29	Hồ Thanh	Diệt	3754010065	08/01/1995	,00		,00	CAM T
30	Nguyễn	Tường	3754010077	01/01/1994	4,20		4,40	
31	Phạm Văn	Ái	3754010083	19/04/1995	3,70		3,70	
32	Phạm Tuấn	Hải	3754010084	14/08/1995	3,90		4,10	
33	Bùi Chánh	Tín	3754010089	24/08/1995	3,20		3,20	
34	Lâm Quốc	Tùng	3754010090	23/12/1994	1,80		1,80	CT
35	Đặng Văn	Sỹ	3754010091	18/09/1995	,00		,00	CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Ngọc	Son	3754010092	25/02/1994	4,00		4,70	
37	Hồ Khánh	Huy	3754010093	17/12/1995	1,80		1,80	CT
38	Nguyễn Minh	Tùng	3754010094	25/02/1995	1,10		1,10	CT
39	Lê Hồ Tấn	Đạt	3754010095	27/05/1995	,00		,00	CT
40	Phạm Hoài Anh	Vũ	3754010098	11/05/1994	,00		,00	CT
41	Võ Văn	Lâm	3754010100	14/09/1995	,00		,00	CT
42	Phan Trọng	Lực	3754010161	20/09/1995	4,00		3,70	
43	Hà Minh	Phúc	3754010162	24/10/1995	3,10		3,10	CT
44	Huỳnh Minh	Phú	3754010167	02/09/1995	2,20		2,20	CT
45	Trương Đình	Quang	3754010168	06/10/1995	3,20		3,20	
46	Trần Trọng	Tân	3754010169	10/09/1995	,70		,30	
47	Nguyễn Văn	Dũng	3754010171	13/03/1993	3,60		3,40	
48	Trần Văn	Sanh	3754010172	08/10/1995	4,10		4,30	
49	Đào Đình Trung	Dũng	3754010175	09/01/1995	3,30		3,70	

Tổng số : **SV**

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2014

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)